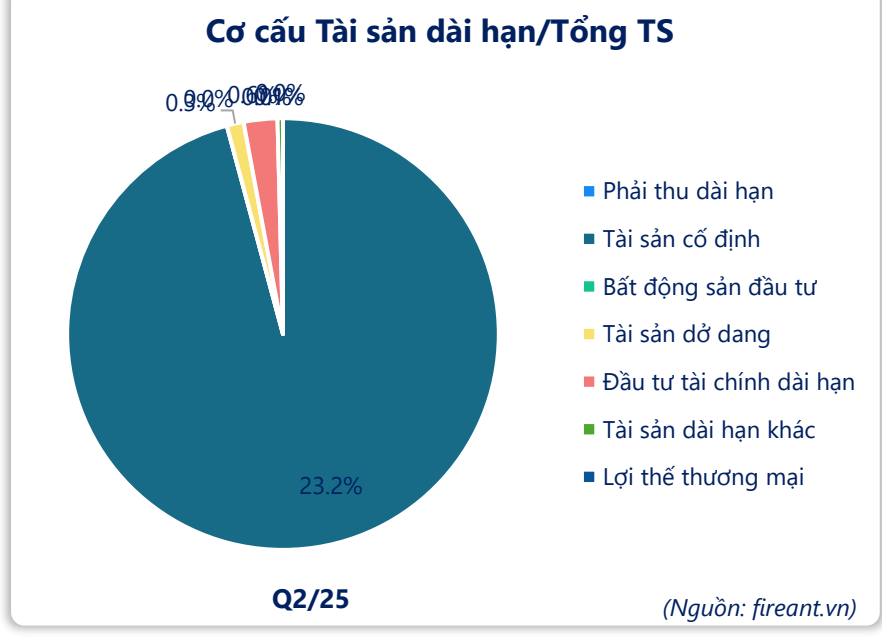
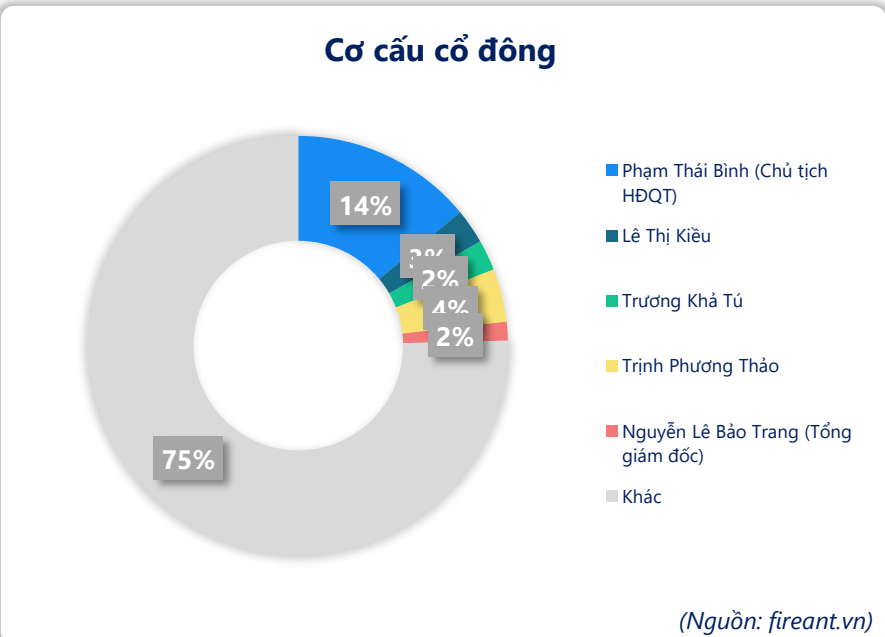
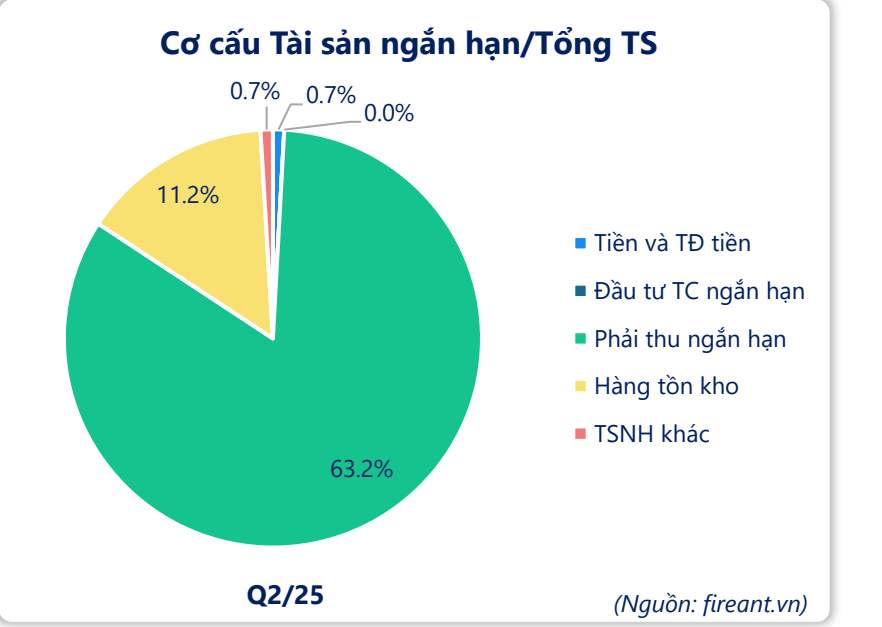
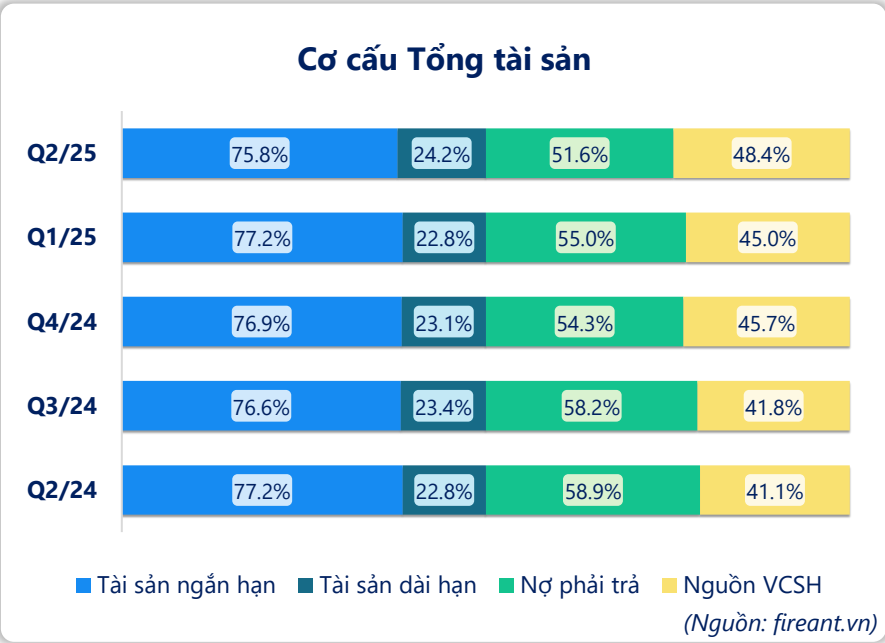
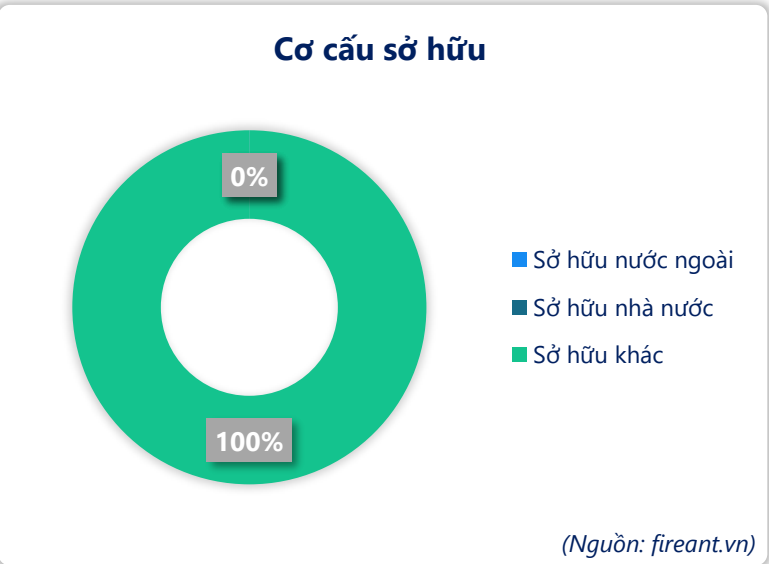
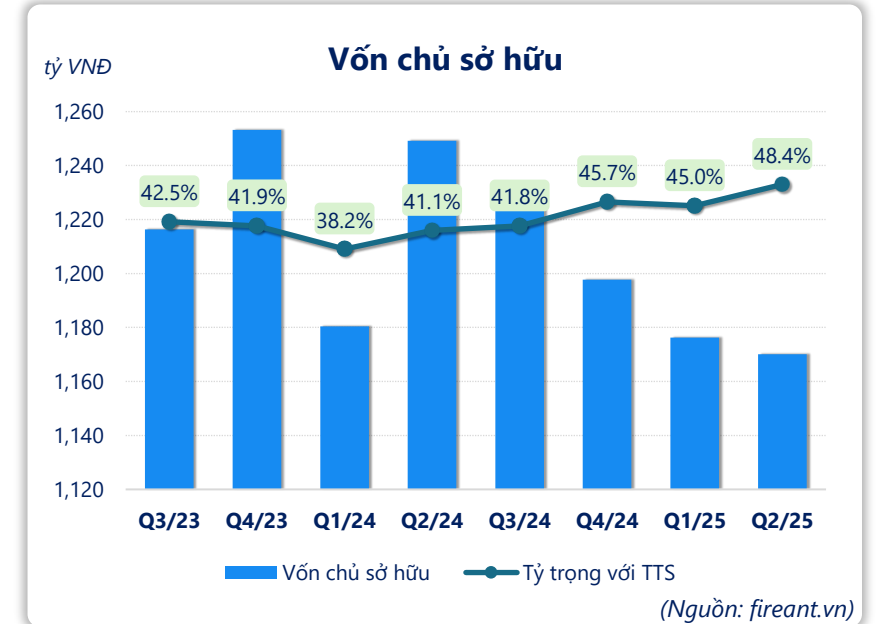
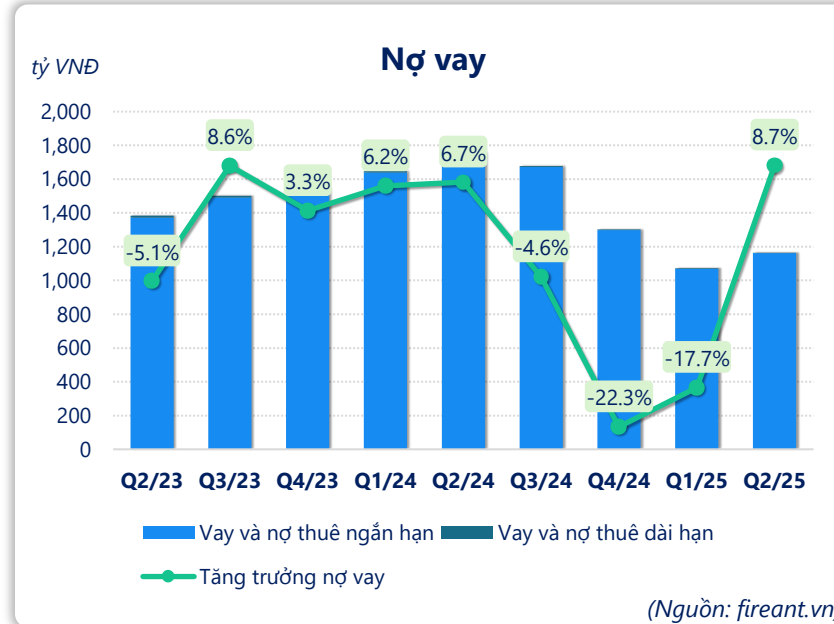
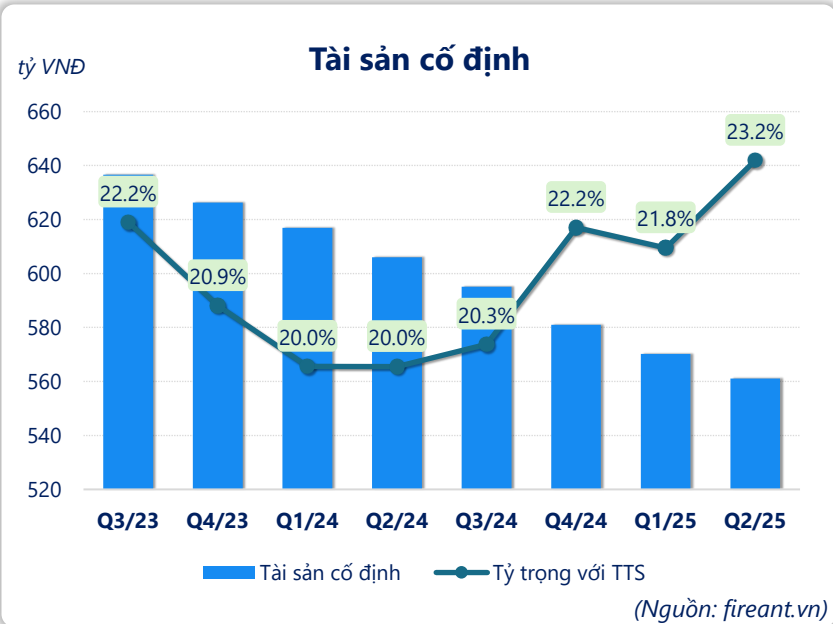
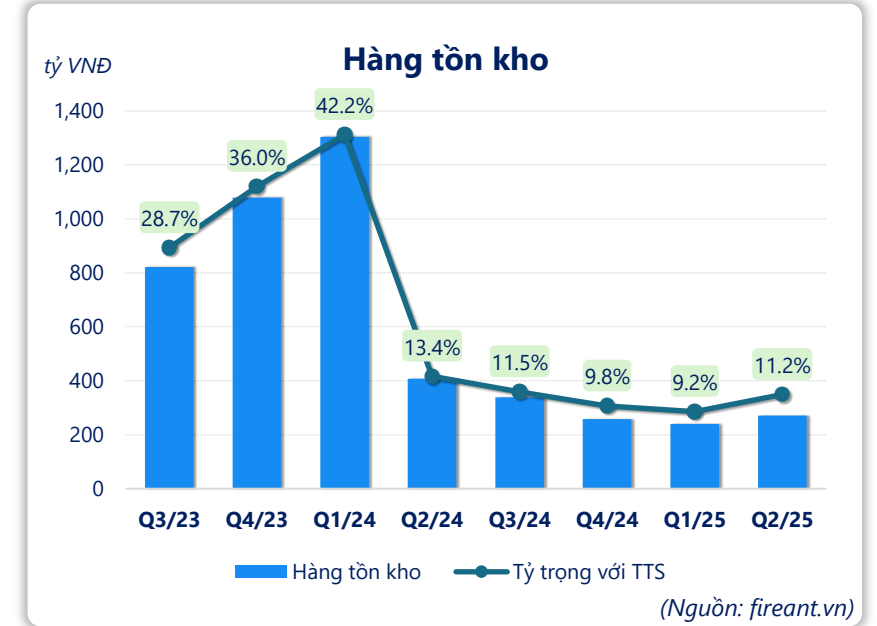
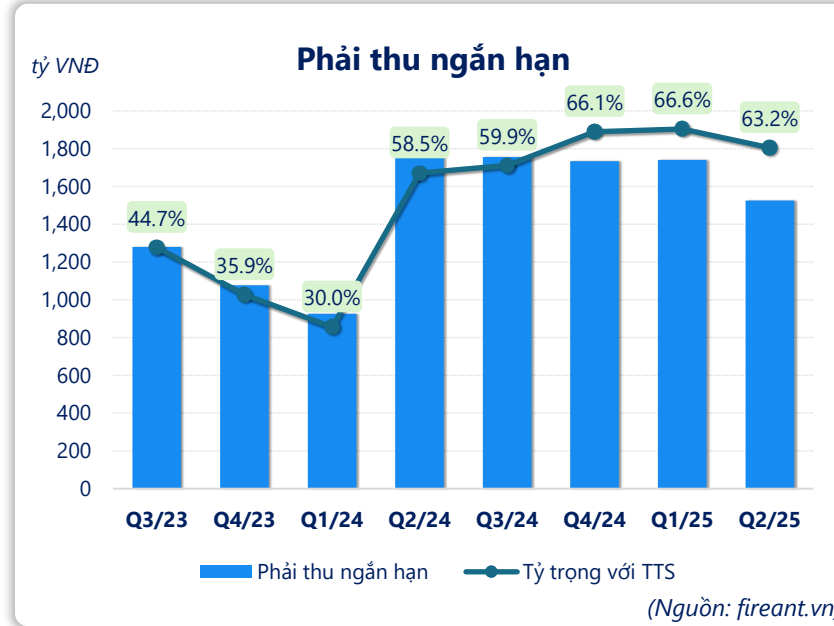
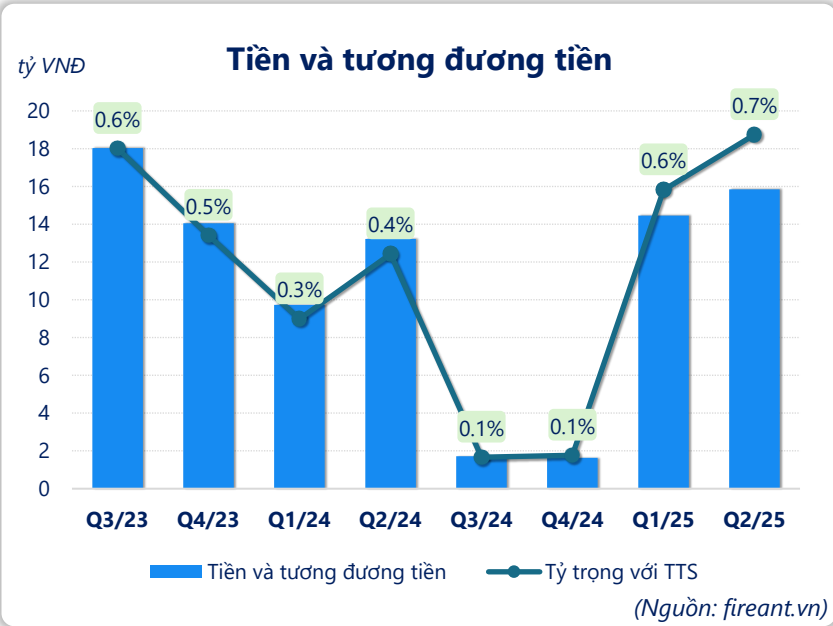
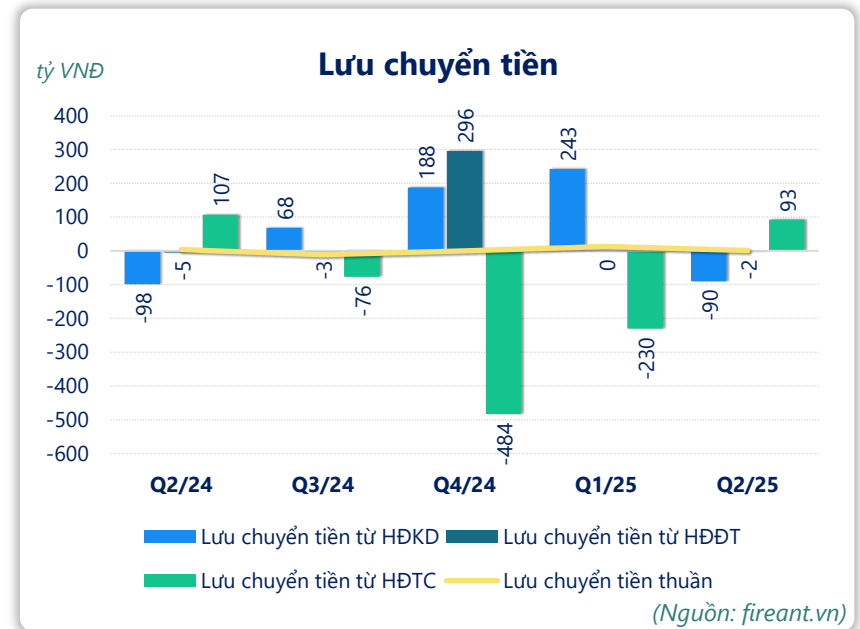
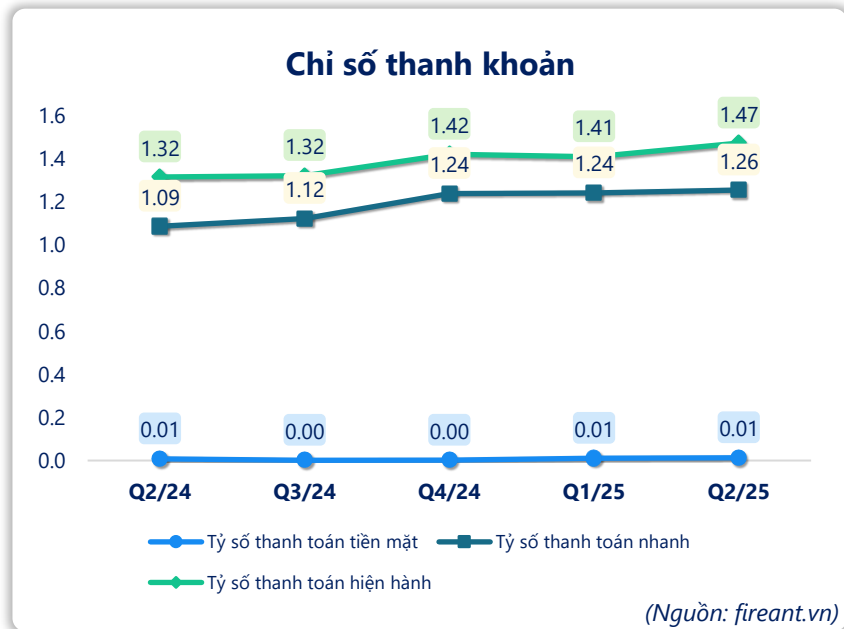
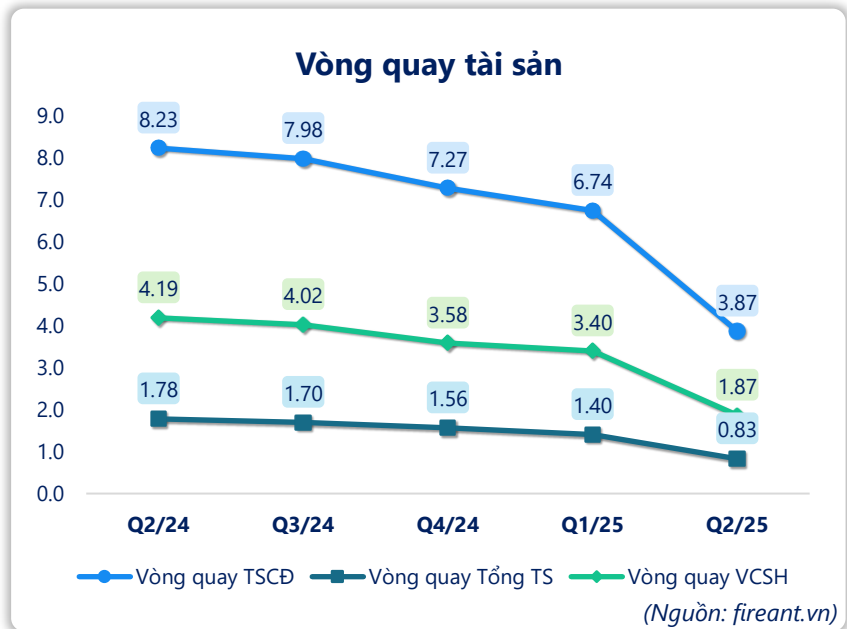
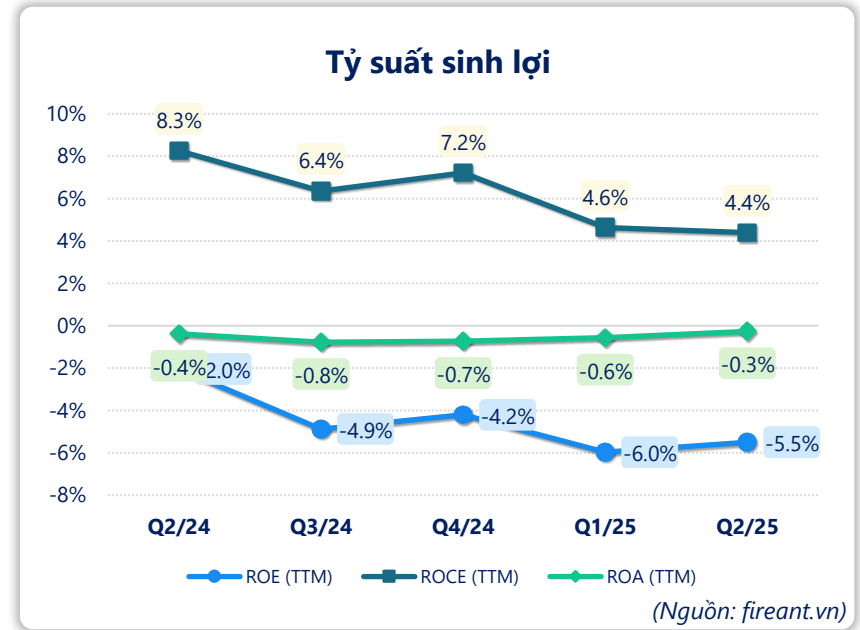
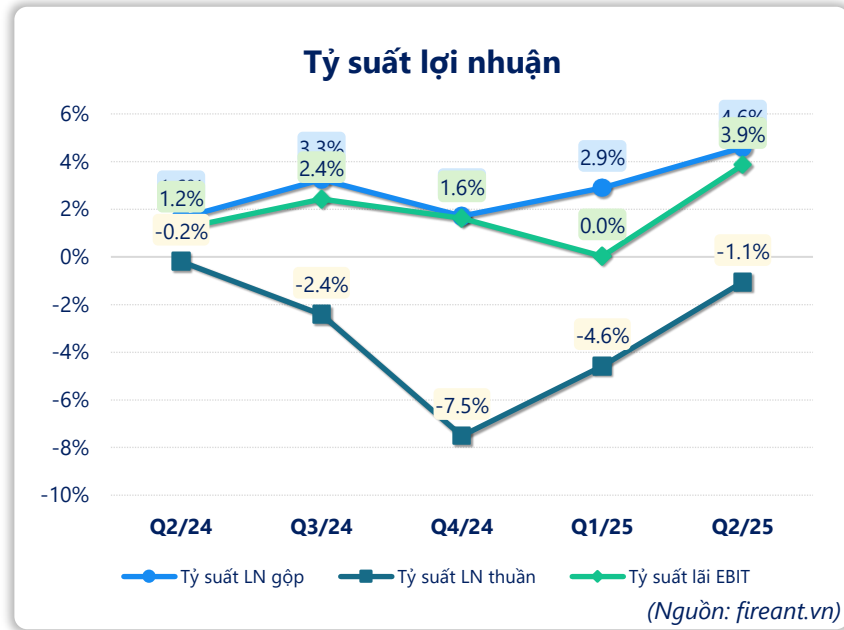
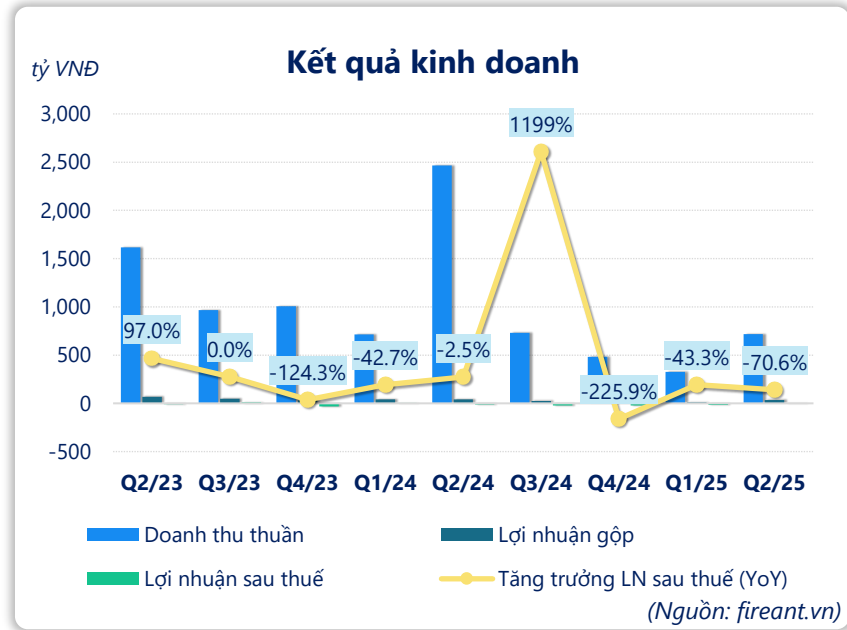


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,300
SL cổ phiếu LH		78,319,777
KLGD BQ 20 phiên (CP)		43,010
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		337
P/E		-5.1
EPS		-848

	YTD	1T	3T	6T
TAR	-6.5%	-4.4%	13.2%	0.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,416	2,614	-7.6%
Tài sản ngắn hạn	1,830	2,009	-8.9%
Tiền và tương đương tiền	15.8	1.63	875%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,526	1,727	-11.6%
Hàng tồn kho	271	258	4.8%
Tài sản ngắn hạn khác	17.5	22.0	-20.5%
Tài sản dài hạn	586	606	-3.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	561	581	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.40	7.44	-0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.8	14.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.38	2.70	-11.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,246	1,422	-12.4%
Nợ ngắn hạn	1,242	1,417	-12.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,163	1,298	-10.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.2	8.11	50.9%
Nợ dài hạn	3.40	5.49	-38.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.09	4.17	-50.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,170	1,192	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	1,170	1,192	-1.8%
Vốn điều lệ	783	783	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	2,464	730	482	327	719
Giá vốn hàng bán	2,424	706	473	318	686
Lợi nhuận gộp	40.1	23.7	8.27	9.49	33.0
Doanh thu HĐTC	3.65	6.79	0.10	0.72	3.24
Chi phí TC	33.1	35.7	32.3	15.1	32.6
Chi phí lãi vay	32.7	34.2	31.4	14.7	32.6
LN trong công ty LKLD	-0.02	0	0	0	-0.02
Chi phí bán hàng	9.56	7.35	4.96	3.57	8.60
Chi phí QLDN	5.90	5.14	7.29	6.56	2.62
LN thuần từ HĐKD	-4.83	-17.7	-36.2	-15.0	-7.56
Lợi nhuận khác	1.46	1.25	12.6	0.35	2.76
LN trước thuế	-3.38	-16.4	-23.6	-14.6	-4.80
Lợi nhuận sau thuế	-11.0	-22.3	-21.3	-15.1	-6.94
LNST của CĐ cty mẹ	-11.2	-22.5	-20.5	-16.2	-7.32

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-98.4	68.5	188	243	-89.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.23	-3.49	296	-0.02	-1.64
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	107	-76.5	-484	-230	92.7
Tiền đầu kỳ	9.73	13.2	1.71	1.63	14.5
Lưu chuyển tiền thuần	3.50	-11.5	-0.08	12.8	1.30
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	0	0	0.09
Tiền cuối kỳ	13.2	1.71	1.63	14.5	15.8

(Nguồn: fireant.vn)